

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Mai H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 249/12 khóm 1, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Dang Thanh T, sinh năm 1989; nơi cư trú: 39-33 Stonegate Dr Northwest, Airdrie, in the province of Alberta T4B 2V6 Canada. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà H và ông Dang Thanh T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2013. Sau khi hết hôn, vợ chồng sống tại gia đình chị H khoảng 07 ngày, sau đó ông Dang Thanh T trở về Canada để làm thủ tục bảo lãnh bà H sang Canada để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, thủ tục bảo lãnh bị trục trặc nên bà H chưa sang Canada, trong thời gian này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau và hiện nay bà H không còn liên lạc được với ông Dang Thanh T. Nhận thấy vợ chồng sống

xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Dang Thanh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Dang Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu ông Dang Thanh T cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ qua đường bưu chính. Theo kết quả tổng đạt, ngày 26/12/2020 bưu gửi đã được phát thành công đến ông Dang Thanh T nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông Dang Thanh T và ông Dang Thanh T cũng không có mặt tại phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Mai H. Cho bà Huỳnh được ly hôn với ông Dang Thanh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thụy Mai H và ông Dang Thanh T là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Thụy Mai H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Dang Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho ông Dang Thanh T qua đường bưu chính. Theo kết quả tổng đạt, ngày 26/12/2020 bưu gửi đã được phát thành công đến ông Dang Thanh T nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông Dang Thanh T và ông Dang Thanh T cũng không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, không giải quyết tài sản chung, nợ chung, con chung của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: theo giấy chứng nhận kết hôn số 306, quyền 02/2013 ngày 21/10/2013 thì bà H và ông Dang Thanh T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà H và ông Dang Thanh T là hợp pháp.

Bà H xác định sau khi kết hôn bà H ở lại Việt Nam, ông Dang Thanh T về Canada để làm thủ tục bảo lãnh bà H sang Canada để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, thủ tục bảo lãnh bị trục trặc nên bà H chưa sang Canada, trong thời gian này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau, hiện tại vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà H xác định không còn tình cảm với ông Dang Thanh T. Do bà H và Dang Thanh T vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà H ly hôn ông Dang Thanh T là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Mai H.

Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Thụy Mai H được ly hôn với ông Dang Thanh T.

Về con chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Mai H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003216 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Thụy Mai H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo

trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TVL: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo

trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hoàng Anh

Huỳnh Tuấn Cường

Nguyễn Thị Tư